

Số: **10** /2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **26** tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh
cho người nghèo, một số đối tượng chính sách; quản lý, sử dụng
quỹ khám chữa bệnh người nghèo tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ về
việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-
TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho
người nghèo;

Thực hiện Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/06/2014 của Thủ tướng
Chính Phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013
của liên bộ Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định số
14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ
tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014
của liên bộ Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2011/NQ-NĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào
Cai mắc bệnh phải nằm điều trị nội trú và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ
sở khám, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2014/NQ-HĐND ngày 17/12/2014 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi và bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết
số 37/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ

trợ dinh dưỡng cho người nghèo tỉnh Lào Cai mắc bệnh phải điều trị nội trú và phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 232/TTr-SYT ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định chế độ hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, một số đối tượng chính sách; quản lý, sử dụng quỹ khám chữa bệnh người nghèo tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, bãi bỏ Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban quản lý Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo của tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các cơ sở khám, chữa bệnh công lập trong tỉnh và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*sk*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT: TU, HDND, UBND tỉnh;
- Thường trực Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công báo Lào Cai;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, Các CV *am*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

Chế độ hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, một số đối tượng chính sách; quản lý, sử dụng quỹ khám chữa bệnh người nghèo tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **10** /2016/QĐ-UBND
Ngày **16** /02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định chế độ hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, một số đối tượng chính sách; quản lý, sử dụng quỹ khám chữa bệnh người nghèo của tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh từ quỹ khám chữa bệnh người nghèo của tỉnh;

b) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khám, chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng chính sách và quản lý hoạt động Quỹ khám chữa bệnh người nghèo của tỉnh.

Điều 2. Các đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh từ Quỹ khám chữa bệnh người nghèo

1. Người bệnh đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập gồm:

a) Người thuộc hộ nghèo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn hộ nghèo (tại thời điểm được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quy định này);

b) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (QĐ số 1049/QĐ-TTg);

c) Người mắc bệnh ung thư, chạy thận nhân tạo, mổ tim hoặc các bệnh khác gặp khó khăn do chi phí cao mà không đủ khả năng chi trả viện phí.

2. Phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh từ Quỹ Khám, chữa bệnh người nghèo (Quỹ KCBNN) của tỉnh phải đảm bảo đúng đối tượng, định mức và trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Trong thời gian điều trị, nếu người bệnh thuộc đối tượng được hưởng nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ từ các nguồn vốn khác nhau nhưng có cùng nội dung hỗ trợ thì thực hiện như sau:

a) Nếu mức hỗ trợ cho người bệnh từ chính sách khác bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ tại Quy định này việc hỗ trợ cho người bệnh thực hiện theo định mức cao hơn từ các chính sách đó;

b) Nếu mức hỗ trợ cho người bệnh từ các chính sách khác thấp hơn mức hỗ trợ tại Quy định này thì ngoài việc người bệnh được hưởng kinh phí hỗ trợ từ chính sách khác, người bệnh còn được hưởng thêm số tiền chênh lệch giữa chính sách đó với mức hỗ trợ tại Quy định này;

c) Trường hợp người bệnh được hỗ trợ tiền ăn từ chính sách khác nhưng thời gian hỗ trợ từ các chính sách đó ngắn hơn thời gian điều trị của bệnh nhân quy định tại Quy định này thì sau khi hết thời gian hưởng kinh phí hỗ trợ từ chính sách khác, người bệnh tiếp tục được hưởng chế độ hỗ trợ từ nguồn kinh phí tại Quy định này.

3. Quỹ KCBNN của tỉnh không hỗ trợ trong các trường hợp:

a) Người bệnh tự lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (trái tuyến, vượt tuyến không đúng quy định);

b) Chi phí khám, chữa bệnh theo dịch vụ, yêu cầu cá nhân;

c) Chi phí vận chuyển trong trường hợp đi khám, chữa bệnh theo quy định về thông tuyến.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

Điều 4. Các chế độ hỗ trợ từ Quỹ KCBNN của tỉnh

1. Hỗ trợ tiền ăn với mức 03% (ba phần trăm) mức lương cơ sở/người bệnh/ngày điều trị nội trú:

a) Các đối tượng thuộc Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 2 Quy định này khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập (từ Phòng khám đa khoa tuyến huyện, thành phố trở lên);

b) Phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh (kể cả tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn).

2. Hỗ trợ tiền đi lại từ nhà đến bệnh viện hoặc từ bệnh viện về nhà và chuyển bệnh viện cho các đối tượng thuộc Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 2 Quy định này khi điều trị nội trú tại các cơ sở y tế của Nhà nước từ tuyến huyện trở lên, các trường hợp cấp cứu, tử vong hoặc bệnh quá nặng và người nhà có nguyện vọng đưa về nhà nhưng không được bảo hiểm y tế hỗ trợ:

a) Trường hợp sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở khám, chữa bệnh công lập thì cơ sở khám, chữa bệnh (cơ sở KCB) công lập được thanh toán chi phí vận chuyển người bệnh cho cả hai chiều với định mức bằng 0,2 lít xăng/km theo khoảng cách vận chuyển và các chi phí cầu, phà, phí đường bộ khác (nếu có); Nếu

có nhiều hơn một người bệnh cùng được vận chuyển trên một phương tiện thì mức thanh toán chỉ được tính như đối với vận chuyển một người bệnh;

b) Trường hợp người bệnh không sử dụng phương tiện vận chuyển của cơ sở KCB công lập thì được thanh toán chi phí vận chuyển một chiều (đi hoặc về) bằng tiền theo định mức quy đổi 01 km bằng 0,2 lit xăng nhân với khoảng cách vận chuyển. Khoảng cách được hỗ trợ tính từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi bệnh nhân cư trú đến cơ sở KCB công lập hoặc ngược lại;

c) Giá xăng để thanh toán là giá xăng tại thời điểm sử dụng.

3. Hỗ trợ thanh toán 30% (ba mươi phần trăm) chi phí khám bệnh, chữa bệnh của các đối tượng quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 2 Quy định này đối với phần người bệnh phải chi trả cho cơ sở y tế của Nhà nước từ 01 (một) triệu đồng trở lên cho một đợt khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp không có bảo hiểm y tế. Nếu người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế thì được hỗ trợ 100% (một trăm phần trăm) chi phí khám, chữa bệnh BHYT đối với phần người bệnh phải đồng chi trả.

Điều 5. Thời gian được hưởng mức hỗ trợ tiền ăn

1. Người bệnh thuộc đối tượng được hỗ trợ tiền ăn khi nằm điều trị nội trú, phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở KCB công lập thì được hỗ trợ tiền ăn kể từ ngày vào viện đến ngày ra viện.

2. Số ngày điều trị nội trú được hưởng chế độ hỗ trợ tiền ăn được tính theo công thức: lấy ngày ra viện - (trừ) ngày vào viện.

Trường hợp người bệnh vào viện và ra viện trong cùng một ngày thì được tính số ngày hỗ trợ là 01 ngày.

Trường hợp phụ nữ nghèo sinh con tại các cơ sở KCB công lập, thời gian được hỗ trợ tiền ăn tối đa là 10 ngày/lần sinh.

Điều 6. Hình thức hỗ trợ

1. Đối với khoản chi hỗ trợ tiền ăn quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này:

Các cơ sở khám, chữa bệnh có trách nhiệm tạm ứng tiền ăn cho người bệnh hoặc thanh toán bằng tiền mặt hàng ngày hoặc 2 đến 3 ngày/1 lần hoặc thanh toán theo đợt điều trị cho người bệnh hoặc tổ chức nấu ăn cho người bệnh tại khoa dinh dưỡng (nếu người bệnh có nhu cầu). Trường hợp tổ chức nấu ăn cho người bệnh, cơ sở y tế phải công khai mức hỗ trợ, định mức suất ăn để người bệnh giám sát. Khi người bệnh ra viện, cơ sở KCB công lập làm các thủ tục thanh toán theo số ngày thực tế.

2. Hỗ trợ tiền vận chuyển:

Các cơ sở KCB công lập trong tình hình thanh toán hoặc chi định chuyển bệnh nhân có trách nhiệm thanh toán chi phí vận chuyển cho người bệnh theo mức hỗ trợ tại Khoản 2 Điều 4 Quy định này, sau đó thanh toán với Quỹ KCBNN, cụ thể như sau:

a) Đối với các cơ sở KCB công lập tuyến huyện, thành phố:

- Hỗ trợ chi phí đi lại cho người bệnh từ tuyến xã đến cơ sở KCB tuyến huyện, thành phố khi nằm điều trị nội trú.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển trong các trường hợp: Người bệnh từ vùng trên đường đến cơ sở KCB, từ vùng tại cơ sở KCB; bệnh quá nặng mà gia đình có nguyện vọng đưa về nhưng không được quỹ BHYT chi trả.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển cho người bệnh khi có chỉ định chuyển bệnh nhân lên tuyến trên theo đúng quy định về chuyển tuyến nhưng không được quỹ BHYT chi trả.

b) Đối với các cơ sở KCB công lập tuyến tỉnh:

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển trong các trường hợp: Trường hợp người bệnh khi tử vong trên đường đến cơ sở KCB, tử vong tại cơ sở KCB; bệnh quá nặng mà gia đình có nguyện vọng đưa về nhưng không được quỹ BHYT chi trả.

- Hỗ trợ chi phí vận chuyển cho người bệnh khi có chỉ định chuyển bệnh nhân lên tuyến trên theo đúng quy định về chuyển tuyến nhưng không được quỹ BHYT chi trả.

3. Các khoản chi hỗ trợ cho người bệnh phải đồng chi trả: Thanh toán các chi phí hỗ trợ theo quy định khi người bệnh ra viện.

4. Đối với các khoản chi hỗ trợ cho người bệnh khi đi KCB đúng tuyến tại các cơ sở KCB công lập ngoài tỉnh:

Người bệnh tự thanh toán các chi phí với cơ sở KCB công lập nơi người bệnh điều trị, sau đó gửi các thủ tục liên quan đến việc hỗ trợ tới các cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký khám, chữa bệnh BHYT ban đầu để được thanh toán các khoản hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quy định này. Trường hợp người bệnh có thể BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn thì người bệnh gửi các chứng từ thanh toán tới Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, hoặc Trung tâm y tế thành phố thuộc địa bàn nơi người bệnh sinh sống để được thanh toán chế độ hỗ trợ.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ KHÁM CHỮA BỆNH NGƯỜI NGHÈO

Điều 7. Quỹ khám chữa bệnh người nghèo

1. Quỹ KCBNN do UBND tỉnh thành lập, được đặt tại Sở Y tế. Quỹ có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước tỉnh.

2. Quỹ KCBNN là quỹ của nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc không vì lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ quỹ KCBNN để thực hiện các chế độ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 4 Quy định này;

b) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

c) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Sử dụng Quỹ KCBNN:

Quỹ KCBNN được sử dụng để hỗ trợ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho các đối tượng quy định theo các mức hỗ trợ tại Điều 4 Quy định này.

Điều 8. Ban quản lý Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo tỉnh

1. Ban quản lý Quỹ KCBNN do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành phần Ban Quản lý Quỹ gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, lãnh đạo Sở Y tế làm Phó Trưởng ban thường trực, lãnh đạo Sở Tài chính làm Phó Trưởng ban, đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm thành viên.

2. Ban quản lý Quỹ KCBNN có nhiệm vụ: Tổ chức quản lý, sử dụng và điều hành Quỹ KCBNN của tỉnh đảm bảo hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Lập dự toán, hạch toán và quyết toán kinh phí

1. Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ các chế độ chi phí KCBNN

a) Đơn vị lập dự toán:

Các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, Trung tâm y tế thành phố Lào Cai lập dự toán kinh phí chi trả cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này khi có các hoạt động hỗ trợ KCB phát sinh tại đơn vị mình và tại các phòng khám đa khoa trực thuộc gửi Sở Y tế để tổng hợp.

Trung tâm Y tế dự phòng các huyện lập dự toán kinh phí chi trả cho các đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 2 Quy định này phát sinh tại đơn vị mình và các trạm y tế xã, phường, thị trấn gửi Sở Y tế để tổng hợp;

Sở Y tế tổng hợp dự toán kinh phí Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn toàn tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh.

b) Phân bổ và sử dụng kinh phí:

Căn cứ Quyết định giao dự toán hàng năm, Sở Tài chính cấp kinh phí KCBNN vào tài khoản tiền gửi của Quỹ được tại mở Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Ban Quản lý Quỹ KCBNN có trách nhiệm chuyển kinh phí từ tài khoản tiền gửi của Quỹ KCBNN vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước cho các cơ sở KCB công lập trên địa bàn tỉnh để triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ người bệnh.

Các đơn vị tiếp nhận nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ KCBNN có trách nhiệm mở tài khoản tiền gửi để theo dõi việc tiếp nhận và sử dụng kinh phí hỗ trợ từ Quỹ.

Kết thúc năm ngân sách, kinh phí còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng; không sử dụng nguồn kinh phí này vào mục đích khác.

c) Quyết toán kinh phí:

Các đơn vị được cấp kinh phí thực hiện hoạt động khám chữa bệnh cho người nghèo theo Quy định này có trách nhiệm lập và gửi báo cáo quyết toán quý, năm về Sở Y tế, đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để phối hợp.

Sở Y tế có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm, gửi Sở Tài chính.

2. Kinh phí quản lý Quỹ KCBNN:

Kinh phí quản lý Quỹ KCBNN được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp y tế hàng năm của Sở Y tế.

Hàng năm Sở Y tế có trách nhiệm lập dự toán kinh phí quản lý Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh quyết định.

3. Thời gian lập, gửi dự toán; gửi báo cáo quyết toán:

a) Việc hạch toán hạch toán, quyết toán Quỹ KCBNN được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Thời gian gửi dự toán, báo cáo quyết toán theo quy định tại Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 15/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định

về lập dự toán, quyết toán ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai và hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm của cơ quan tài chính.

4. Trường hợp Quỹ KCBNN sử dụng vốn viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, việc quản lý sử dụng, theo dõi hạch toán và quyết toán thực hiện theo các quy định của pháp luật về tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ và quy định của nhà tài trợ (nếu có).

Chương III **TÓ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Sở Y tế

1. Chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Quỹ KCBNN, Ban quản lý Quỹ KCBNN, phê duyệt Điều lệ hoạt động Quỹ KCBNN; thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực Ban quản lý Quỹ KCBNN.

2. Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh tổ chức thực hiện công tác khám, chữa bệnh BHYT và thanh toán tiền hỗ trợ từ Quỹ KCBNN đảm bảo đúng đối tượng, chế độ và nguyên tắc quản lý Quỹ KCBNN; tổng hợp dự toán ngân sách Quỹ, lập báo cáo quyết toán Quỹ hàng năm gửi Sở Tài chính theo Quy định hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Thẩm định dự toán kinh phí của Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của Ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh quyết định bố trí kinh phí cho Quỹ KCBNN.

2. Kiểm tra quyết toán của Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo Quy định hiện hành.

3. Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ Quỹ KCBNN.

Điều 13. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các huyện, thành phố, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, lập danh sách các đối tượng là hộ gia đình nghèo, hộ gia đình có đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo qui định.

2. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách KCBNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Ban Dân tộc tỉnh

1. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan xác định đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quy định này.

2. Phối hợp với các ngành trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách KCBNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Bảo hiểm Xã hội tỉnh

1. Rà soát, đối chiếu danh sách các đối tượng được hưởng các loại hình BHYT trên địa bàn tỉnh để tránh chồng chéo, trùng lặp đối tượng. Chỉ đạo BHXH các huyện, thành phố thực hiện in ấn thẻ BHYT người nghèo theo danh sách đã được UBND huyện, thành phố phê duyệt sau khi rà soát; bàn giao thẻ BHYT cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Tổ chức ký hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT với các cơ sở khám, chữa bệnh đảm bảo quyền lợi cho người nghèo; tạm ứng kinh phí và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ BHYT người nghèo với các cơ sở y tế theo quy định.

3. Hàng quý, tổng hợp chi phí KCBNN ở từng tuyến, báo cáo Ban quản lý Quỹ KCBNN tỉnh.

4. Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, kiểm tra về sự biến động đối tượng hưởng chính sách KCBNN.

5. Phối hợp với các ngành trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện khám, chữa bệnh BHYT người nghèo trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Sở Giao thông vận tải

Có trách nhiệm cung cấp số km theo khoảng cách địa giới hành chính từ xã đến huyện, từ huyện đến tỉnh để làm cơ sở thanh toán tiền chi phí đi lại cho các đối tượng thụ hưởng.

Điều 17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Hàng năm, chỉ đạo tổ chức thực hiện điều tra, lập danh sách đối tượng được hưởng chính sách KCBNN trên địa bàn huyện, thành phố; lập danh sách điều chỉnh khi có sự biến động về đối tượng hưởng chính sách KCBNN trên địa bàn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

2. Chỉ đạo việc cấp phát thẻ BHYT người nghèo, người dân tộc thiểu số đến đúng đối tượng được hưởng; cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi ngay sau khi trẻ sinh ra tại các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý.

3. Chỉ đạo các cơ sở KCB thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo và thanh toán các chế độ hỗ trợ từ Quỹ KCBNN theo phân cấp. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về việc thực hiện chính sách gửi Ban quản lý quỹ KCBNN.

Điều 18. UBND các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức thực hiện điều tra lập danh sách đối tượng người nghèo, người dân tộc thiểu số cơ trú tại địa phương mình gửi đến các cơ sở KCB công lập. Tổ chức tuyên truyền, triển khai phổ biến chính sách KCBNN tới người dân để người bệnh được hưởng các chế độ hỗ trợ của tỉnh.

2. Xác nhận đối tượng theo quy định tại điểm a, điểm b Điều 2 Quy định này khi chưa được cấp thẻ BHYT hoặc bị mất thẻ BHYT.

3. Nhận và cấp phát thẻ cho các đối tượng tại điểm a, điểm b Điều 2 Quy định này.

Điều 19. Đối với các cơ sở khám, chữa bệnh công lập

1. Thẩm định, xác nhận đối tượng thuộc diện hưởng chế độ hỗ trợ theo Quy định này. Chi trả chế độ kịp thời cho đối tượng theo quy định.

2. Lập dự toán kinh phí KCBNN gửi Ban quản lý quỹ KCBNN của tỉnh. Tổng hợp thanh toán, quyết toán kinh phí tháng, quý, năm theo quy định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Trong thời gian chưa thành lập được Quỹ KCBNN, Ban quản lý Quỹ KCBNN, chưa ban hành được Điều lệ hoạt động Quỹ KCBNN thì thực hiện như sau:

a) Công tác lập dự toán:

Các đơn vị có trách nhiệm lập dự toán kinh phí được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 9 Quy định này có trách nhiệm lập dự toán dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề nghị cấp kinh phí thực hiện KCBNN.

Phòng Tài chính các huyện, thành phố tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ KCBNN trên địa bàn trình UBND huyện, thành phố phê duyệt gửi Sở Tài chính, Sở Y tế.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tổng hợp dự toán toàn tỉnh trình UBND tỉnh theo quyết định.

b) Phân bổ kinh phí và quyết toán kinh phí:

Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán kinh phí KCBNN của UBND tỉnh, cơ quan Tài chính cùng cấp có trách nhiệm giao dự toán kinh phí KCBNN cho các đơn vị; quyết toán kinh phí KCBNN theo quy định hiện hành.

Các đơn vị sử dụng kinh phí KCBNN có nhiệm lập báo cáo quyết toán kinh phí KCBNN gửi cơ quan Tài chính cùng cấp theo quy định.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi tình hình thực hiện Quy định này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) về tình hình thi hành pháp luật về quản lý Quỹ KCBNN trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Phong